

Cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ ở Thái Lan vào tháng 07.1997 đã nhanh chóng lan tỏa thành cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ ở khu vực Đông Nam Á. Vốn là vùng kinh tế phát triển có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất, năng động nhất trong nhiều thập niên qua.

Gần đây cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ ở Nhật và sự sụt giảm đồng rúp ở Nga đã tạo sự suy thoái kinh tế ở Châu Âu và Châu Mỹ La Tinh, là những dấu hiệu ban đầu ảnh hưởng đến nền kinh tế Mỹ, là tiền đề cho cuộc khủng hoảng kinh tế trên phạm vi toàn cầu. Tổng thống Mỹ B.Clinton đã gọi cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ ở Châu Á là "thách thức tài chính lớn nhất mà thế giới phải đối mặt trong nửa thế kỷ qua" theo kết quả điều tra của tổ chức Standard & Poor thực hiện, chỉ khoảng thời gian từ 17.7 đến 30.8.1998 thị trường tài chính cũng bị thua thiệt 2000 tỷ USD, chỉ số Dow Jones ngày 17.9.1998 giảm 216,01 điểm xuống còn 7873,77 điểm, chỉ số FTSE trên thị trường chứng khoán Luân Đôn giảm 30%, chỉ số Bovespa trên thị trường chứng khoán Sao Paulo giảm 2,1% trong ngày 16/9 và giảm tiếp 7,5% trong ngày 17/9, chỉ số chứng khoán trên thị trường Mêhicô giảm hơn 3%.

Từ đó tổng thống Mỹ B.Clin- ton đề ra giải pháp tình thế để góp phần đưa nền kinh tế toàn cầu thoát khỏi khủng hoảng như sau :

a. Mỹ, Nhật , Châu Âu phải nỗ lực thúc đẩy nền kinh tế tăng trưởng.

b. Giảm bớt gánh nặng nợ nần cho các công ty châu Á đang bị tê liệt.

c. Tăng cường sự trợ giúp của Ngân Hàng Thế Giới đối với các tổ chức an sinh xã hội ở Châu Á.

d. Sử dụng 15 tỷ USD tiền cứu trợ khẩn cấp của IMF để ngăn chặn sự lây lan của cuộc khủng hoảng lan sang các nước Mỹ La Tinh.

e. Tăng cường hoạt động của Ngân Hàng xuất khẩu Mỹ (Exim-

bank) nhằm hỗ trợ các dự án tạo công ăn việc làm và mở rộng sản xuất ở những nước đang phát triển.

f. Quốc Hội Mỹ gấp rút thông qua khoản viện trợ bổ sung 18 tỷ dollars cho IMF.

Ngay cả Diễn đàn kinh tế thế giới (WEF) tổ chức hàng năm tại Thụy Sĩ dành thời gian thảo luận về "cơn bão tiền tệ Châu Á" với 7 câu hỏi lớn được đặt ra tại Hội nghị Davos như sau :

1. Có phải "phép lạ kinh tế Châu Á" đang dần chấm dứt? Cuộc khủng hoảng sẽ xảy ra hậu quả gì về xã hội, chính trị?

2. Trung Quốc, Nhật Bản sẽ phản ứng ra sao? Liệu Nhật Bản có đủ sức cứu giúp khu vực bằng cách tự

(IMF) khởi xướng từ năm 1996?

7. "Cơn bão tiền tệ" Châu Á có tác động gì đến mậu dịch toàn cầu.

Diễn đàn là cơ hội để các chuyên gia kinh tế, tài chính tìm ra nguyên nhân của cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ ở Đông Nam Á, ngõ hầu tìm ra giải pháp hữu hiệu thoát khỏi tình trạng hiện nay để khôi phục lại sự phát triển "thần kỳ" trong thời gian tới.

I. NGUYÊN NHÂN CỦA CUỘC KHỦNG HOẢNG TÀI CHÍNH TIỀN TỆ

1. Cơ cấu kinh tế mất cân đối kéo dài do chính sách đầu tư bất hợp lý tạo ra phong trào đầu tư quá nhiều vào lãnh vực địa ốc đã đẩy giá nhà đất lên cao một cách phi lý, không chú ý nhiều đến nhu cầu dân sinh xã hội. Việt Nam cũng tiềm ẩn nguy cơ này, những năm qua Việt Nam đầu tư vào lĩnh vực khách sạn, nhà hàng chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu đầu tư (trên 30%) trong khi đó đầu tư cho lĩnh vực sản xuất nông nghiệp dưới 10%.

2. Nền kinh tế tăng trưởng với tốc độ nhanh và quá nóng, vượt quá tiềm năng vốn có trong thập niên qua, đồng thời quá chú trọng kêu gọi đầu tư nước ngoài ồ ạt nhằm rút ngắn thời gian hóa rồng, dẫn đến vay mượn nước ngoài quá nhiều, thậm chí là vay ngắn hạn để đầu tư dài hạn, làm cho cung vượt cầu và thâm hụt cán cân vãng lai ngày càng lớn

và kéo dài.

3. Định giá đồng bản tệ quá cao, trong khi cán cân thanh toán thiếu hụt triền miên là do chính sách tỷ giá kém linh hoạt, đồng thời lại thực hiện chính sách tự do hóa khu vực tài chính tiền tệ quá mức, đồng bản tệ được tự do chuyển đổi, cụ thể tỷ giá 25 baht ăn 1 dollar kéo dài suốt 13 năm.

4. Nền kinh tế tăng trưởng theo định hướng xuất khẩu tạo sự cạnh tranh trên thị trường thế giới ngày càng khốc liệt hơn, dẫn đến các tập đoàn kinh tế lớn lâm vào tình trạng thiếu vốn nghiêm trọng, nợ nước ngoài tăng nhanh làm cho cán cân

MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NHẪM HẠN CHẾ TÁC ĐỘNG CỦA KHỦNG HOẢNG TÀI CHÍNH TIỀN TỆ Ở ĐÔNG NAM Á ĐẾN VIỆT NAM

Thạc sĩ NGUYỄN VINH HÙNG

cứu mình hay không?

3. Cuộc khủng hoảng sẽ ảnh hưởng như thế nào đến tiến trình thống nhất tiền tệ chung Châu Âu?

4. Kinh tế Mỹ đang có khuynh hướng tăng chậm lại, thị trường chứng khoán Wall Street biến động mạnh, vậy nước nào sẽ đóng vai trò đầu tàu cho kinh tế thế giới ?

5. Làm thế nào để Châu Mỹ La Tinh có thể trở thành một cực thu hút đầu tư khi dòng vốn này đang rời bỏ Châu Á?

6. Có nên tạm ngưng tiến trình giải phóng toàn bộ thị trường tài chính thế giới do quỹ tiền tệ quốc tế

thanh toán thâm hụt nghiêm trọng. Đồng thời nảy sinh tình trạng của quyền, tham nhũng phát sinh, (dẫn đến nền văn minh găm bần) như Hàn Quốc, Thái Lan ...

5. Năng lực quản lý của hệ thống ngân hàng, tài chính còn nhiều bất cập, trong một nền kinh tế hướng vào xuất khẩu là chính trong xu thế hòa nhập với nền kinh tế khu vực và toàn cầu ngày càng cao đã bộc lộ nhiều nhược điểm kéo dài, chậm khắc phục như:

- * Các ngành và công ty tài chính sử dụng vốn vay ngắn hạn để tài trợ cho các dự án dài hạn.

- * Các ngành và công ty tài chính vay ngoại tệ (USD) để cho vay bằng đồng nội tệ

- * Vốn tín dụng được sử dụng không đúng mục đích.

6. Năng lực chuyên môn của đội ngũ cán bộ lãnh đạo ngành tài chính tiền tệ yếu kém, không nhạy bén với tình hình biến động của thị trường tài chính được tự do hoá. Trong khi đó chính phủ thiếu các biện pháp giám sát và quản lý thị trường tài chính tiền tệ hữu hiệu. Là do chậm cải cách hệ thống kế toán thống kê cho phù hợp với nền kinh tế mở, hướng vào toàn cầu hóa ngày càng cao, nên chính phủ không nắm được tình hình làm cho khả năng điều hành và can thiệp vào quá trình phát triển kinh tế của chính phủ không kịp thời.

Vậy cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ Đông Nam Á là cuộc khủng hoảng về cơ cấu, chủ yếu là cơ cấu tài chính, tiền tệ cả thập niên không lành mạnh, đầu tư không hợp lý, dẫn đến cung vượt cầu không chú ý đến hiệu quả, chỉ dựa vào mối quan hệ thân quen, cửa quyền, tham nhũng tạo ra "nền kinh tế găm bần".

II. MỘT SỐ YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP HẠN CHẾ TÁC ĐỘNG CỦA KHỦNG HOẢNG TÀI CHÍNH TIỀN TỆ

1. Yêu cầu

a. Phải đảm bảo phát triển và ổn định các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng nền kinh tế, giảm bội chi NSNN, doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả, thực hiện tốt chính sách tiết kiệm và tiền để tiền quyết để khắc phục và vượt qua cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ.

b. Các giải pháp khắc phục phải đảm bảo tính đồng bộ, chú ý kết hợp hài hòa giữa trước mắt và lâu dài. Vì bất cứ một giải pháp nào cho một nền kinh tế cũng phải nằm trong một hệ thống tổng thể nhiều giải pháp, vì nó có ảnh hưởng tác động qua lại và tự điều chỉnh lẫn nhau. Đồng thời phải quan tâm đến các giải pháp trước mắt mang tính nóng bỏng khắc phục tức thời với các giải pháp mang tính lâu dài, có vậy mới đảm bảo cho nền kinh tế vượt qua những khủng hoảng và

phát triển và bền vững và ổn định được.

2. Giải pháp

Việt Nam mới gia nhập ASEAN nên chưa có quan hệ kinh tế tài chính gần bó mật thiết với các nước trong khu vực, hiện đang xây dựng lộ trình hòa nhập, nên cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ ở Đông Nam Á bắt nguồn từ Thái Lan đang tiếp tục lan tỏa trên toàn thế giới. Việt Nam lại nằm trong trung tâm của cơn bão khủng hoảng tài chính tiền tệ. Mặc dù đồng bạc Việt Nam chưa phải là đồng tiền chuyển đổi được, việc quản lý ngoại hối được chính phủ kiểm soát chặt chẽ, chưa có thị trường chứng khoán, đầu tư nước ngoài vào nền kinh tế chưa nhiều chủ yếu dưới hai hình thức FDI và ODA. Ngoài ra do thành tựu công cuộc đổi mới đất nước từ năm 1986 đến nay nền kinh tế Việt Nam có tốc độ tăng trưởng liên tục bình quân 8% - 9%/năm, năm 1998 tốc độ tăng trưởng có chững lại nhưng vẫn là tốc độ tăng trưởng cao nên vẫn bị một số tác động nhất định là do các nguyên nhân sau:

- Cơ cấu đầu tư chưa hợp lý chủ yếu tập trung đầu tư vào lĩnh vực bất động sản, như khách sạn, văn phòng cho thuê.

- Hàng hóa xuất khẩu của ta chủ yếu là nông sản phẩm gạo, cà phê, dầu thô v...v.. nên bị cạnh tranh về hàng hoá với các nước trong khu vực ngày càng gay gắt do các nước phá giá đồng tiền để khuyến khích xuất khẩu.

- Các nhà đầu tư nước ngoài giảm đầu tư vào Việt Nam do:

- * Lợi thế so sánh về giá nhân công rẻ mất đi, do đồng tiền các nước trong khu vực mất giá, nên giá nhân công của họ rẻ hơn ta.

- * Nhà đầu tư nước ngoài lựa chọn hình thức đầu tư vào cổ phiếu trên thị trường chứng khoán ở các nước có đồng tiền mất giá, thì cổ phiếu rẻ hơn nhiều và lợi nhuận cao hơn là đầu tư trực tiếp.

- Về du lịch: do đồng tiền Thái Lan mất giá tính theo dollar nên du khách thích du lịch qua Thái Lan tiêu xài thoải mái hơn, rẻ hơn Việt Nam nhiều, hơn nữa Việt Nam ở điểm cuối của tuyến du lịch khu vực Đông Nam Á, nên bị ảnh hưởng rất lớn.

- Hệ thống ngân hàng còn nhiều yếu kém, nợ quá hạn cao, cán cân thanh toán vãng lai bội chi, định chế tài chính, tiền tệ ngân hàng còn nhiều bất cập so với yêu cầu của nền kinh tế.

- Hiệu năng của nền kinh tế còn thấp, chưa tạo ra sự tích lũy nội tại của nền kinh tế cho đầu tư phát triển, các doanh nghiệp nhà nước sản xuất kinh doanh còn kém hiệu quả, chưa tạo ra được động lực kích thích nền kinh tế phát triển.

Để hạn chế ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ đến nền kinh tế Việt Nam cần áp dụng một số giải pháp sau:

a. Lành mạnh hóa nền tài chính tiền tệ quốc gia

- Ban hành các định chế về tài chính, tiền tệ và ngân hàng tạo hành lang pháp lý an toàn để cho nền kinh tế phát triển, nhằm kiện toàn về tổ chức, đơn giản về thủ tục, để tạo môi trường thuận lợi cho đầu tư phát triển của mọi doanh nghiệp, thuộc mọi thành phần kinh tế, để nâng cao hiệu lực quản lý của nhà nước như:

- * Chính sách huy động vốn trong dân: phải đa dạng về thời gian và phương thức huy động trên cơ sở đảm bảo lãi suất dương để người dân yên tâm đưa nguồn vốn từ dạng cất giữ vào dòng chảy lưu thông.

- * Sớm ban hành các nghị định, thông tư hướng dẫn thi hành Luật ngân hàng, để củng cố và kiện toàn hệ thống ngân hàng, đảm bảo hoạt động tín dụng ngân hàng được luật hoá, có vậy lĩnh vực tiền tệ - ngân hàng có tính độc lập tương đối với nhà nước, nhằm hạn chế sự can thiệp của chính quyền các cấp vào khu vực tín dụng ngân hàng.

- * Điều hành chính sách tiền tệ linh hoạt, đòi hỏi Chính phủ phải có chính sách quản lý ngoại tệ chặt chẽ, nhằm hạn chế hiện tượng đầu cơ, giữ ngoại tệ, tạo cầu giả tạo gây mất ổn định về tỷ giá, xác định tỷ giá hối đoái, hợp lý, đó là tỷ giá đảm bảo quyền lợi của các nhà xuất nhập khẩu, vì nguyên liệu chủ yếu cấu thành lên sản phẩm hàng hóa Việt Nam xuất khẩu là nguyên vật liệu nhập khẩu, nếu ta không cân nhắc kỹ, trong việc xác định tỷ giá sẽ tạo nên cú sốc cho nền kinh tế.

- * Hiện đại hóa hệ thống tài chính ngân hàng nâng cao năng lực quản lý và giám sát tiền tệ. Vì trong thời gian qua các tổ chức tài chính và ngân hàng kinh doanh trong tình trạng nhiều rủi ro, nên cần có giải pháp hữu hiệu chống rủi ro trong kinh doanh tiền tệ, giải quyết tốt mối quan hệ giữa mức tăng trưởng, lạm phát và lãi suất.

- Củng cố tài chính doanh nghiệp, tạo điều kiện thanh toán vốn chiếm dụng trong nền kinh tế trên cơ sở giải quyết dứt điểm nợ quá hạn, nợ tồn đọng kéo dài nhiều năm qua, để doanh nghiệp phát triển và sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

- * Chỉ giữ lại một phần doanh nghiệp nhà nước làm ăn có hiệu quả cao và giữ vai trò xương sống cho nền kinh tế.

- * Tiến hành cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước còn lại.

- * Giải thể hoặc thanh lý bán các doanh nghiệp nhà nước không hiệu

quả.

- Điều chỉnh thống nhất lại Luật đầu tư nước ngoài và Luật khuyến khích đầu tư trong nước, để tạo sân chơi bình đẳng, cho mọi doanh nghiệp không phân biệt thành phần kinh tế.

b. Điều chỉnh lại cơ cấu kinh tế theo hướng xuất khẩu, trên cơ sở bố trí cơ cấu đầu tư hợp lý nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Khi nền kinh tế Việt Nam đạt mức tăng trưởng kinh tế cao nhất vào năm 1995, sau đó giảm dần trong năm 1996 và 1997 đến năm 1998 có chậm lại là do sự yếu kém nội tại của nền kinh tế như sức cạnh tranh thấp và hiệu quả kinh tế chưa cao ngày càng thể hiện rõ nét, hơn nữa gần 70% thị trường xuất khẩu của ta ra thế giới là các nước đang lâm vào khủng hoảng tài chính tiền tệ, để khắc phục tình trạng này đòi hỏi:

- Nền kinh tế phải đảm bảo phát triển cân đối giữa các vùng, các ngành để khai thác triệt để thế mạnh của từng vùng và từng ngành nhằm tạo ra lợi thế so sánh tối ưu đối với hàng xuất khẩu.

- Các doanh nghiệp trong nước phải tìm mọi giải pháp giảm chi phí, hạ giá thành, nỗ lực nâng cao khả năng cạnh tranh để giành lại thị phần trong nước đối với các đơn vị đầu tư của nước ngoài sản xuất sản phẩm cùng loại.

- Đa dạng hóa sản xuất kinh doanh, để lấy lợi nhuận của mặt hàng này bù đắp vào sự kém hiệu quả ở mặt hàng khác. Trong quá trình định hướng lại sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp.

- Thực hiện chính sách ngoại giao kinh tế để hàng hóa Việt Nam có thể xuất thẳng đến thị trường tiêu thụ cuối cùng, không qua các thị trường trung gian để nâng cao hiệu quả của nền kinh tế đồng thời chúng ta phải chú ý đến nâng cao chất lượng, giá cả, thậm chí tham gia vào các tổ chức quốc tế... nhất là phát triển thị phần xuất khẩu ở các thị trường phía Tây, đồng thời khôi phục lại thị trường xuất khẩu truyền thống ở nước Nga và các nước thuộc (Liên Xô cũ) SNG tương đối dễ tính hơn. Qua đó chọn cho được thị trường lý tưởng cho hàng xuất khẩu của Việt Nam.

- Bố trí lại cơ cấu đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, kết hợp với sự phát triển đồng đều trong một cơ cấu kinh tế phát triển và bền vững trên phạm vi cả nước như:

* Tập trung đầu tư vào các vùng kinh tế trọng điểm, nhiều tiềm năng, những ngành kinh tế mũi nhọn, để tạo đà phát triển nhanh, trước mắt phải chấp nhận tình trạng phát triển không đồng đều trong một thời gian

ngắn, do nguồn lực có giới hạn không nên tập trung tất cả vốn vào các dự án tạo ra lợi nhuận nhanh ở các Thành phố lớn như: thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, hơn là đầu tư vào các khu công nghiệp, vùng nông nghiệp trọng điểm mang tính lâu dài trong nước.

* Đảm bảo tính cân đối trong cơ cấu đầu tư giữa các ngành kinh tế quốc dân, và trong nội bộ ngành kinh tế kỹ thuật cụ thể.

- Đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư cho nền kinh tế, trong đó nguồn vốn trong nước giữ vai trò quyết định, nguồn vốn ngoài nước là hết sức quan trọng. Trong thời gian trước mắt chỉ kêu gọi vốn nước ngoài đầu tư vào lãnh vực đòi hỏi công nghệ kỹ thuật cao, sản xuất ra hàng hóa xuất khẩu có chất lượng cao đủ sức cạnh tranh trên thị trường thế giới, và cơ sở hạ tầng kỹ thuật của nền kinh tế. Còn các lãnh vực khác nên khuyến khích từ vốn đầu tư trong nước. Đồng thời đảm bảo đủ vốn đối ứng cho các dự án có vốn đầu tư nước ngoài để nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn vốn đầu tư.

- Đẩy nhanh tốc độ cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước để thu hút thêm nguồn vốn trong nước, và vốn ngoài nước để bổ sung vốn cho nền kinh tế. Đồng thời phải củng cố và kiện toàn lại doanh nghiệp nhà nước để sản xuất kinh doanh có hiệu quả và nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường.

c. Nâng cao năng lực quản lý nhà nước của Chính phủ và các cơ quan chuyên ngành, để chọn ra một mô hình tăng trưởng kinh tế hết sức linh hoạt, cho phù hợp với tình hình thực tiễn của nền kinh tế Việt Nam, trong bối cảnh của nền kinh tế tài chính tiền tệ thế giới đang lâm vào khủng hoảng. Vì nó yêu cầu Chính phủ phải hoạch định và thực hiện các chính sách kinh tế tài chính đúng đắn, nhằm tạo điều kiện cho Chính phủ đủ lực để có khả năng can thiệp vào thị trường đúng lúc và đủ liều lượng, để tạo đà cho nền kinh tế phát triển với mức tăng trưởng cao và bền vững.

Muốn vậy phải nâng cao trình độ năng lực chuyên môn và nghiệp vụ cũng như nhận thức về đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước đối với đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế. Để đội ngũ cán bộ này đặt lợi ích của tổ quốc lên trên, nhằm đấu tranh kiên quyết đối với các hành vi sai trái của đối tác nước ngoài xâm phạm đến lợi ích quốc gia.

d. Mở rộng sự hợp tác giữa chính phủ các nước trong khu vực và các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế như IMF, WB, ADB... trên cơ sở phát huy nội lực và tiềm năng mang tính đặc thù của từng nước, đồng thời tăng

cường sự hợp tác quốc tế nhằm sử dụng một cách có hiệu quả sự hỗ trợ quốc tế. Vì quá trình tự do hóa và toàn cầu hóa dẫn đến nền kinh tế của các nước có liên quan gắn bó tác động qua lại và ảnh hưởng lẫn nhau, nhưng điều quan trọng là phải chú trọng đến tính đa dạng và không đồng đều về nền kinh tế của các nước, để tránh những giải pháp kinh tế, tài chính gây bất ổn cho đời sống kinh tế xã hội với hậu quả nghiêm trọng.

e. Củng cố lòng tin của nhân dân vào quá trình cải cách kinh tế để người dân yên tâm bỏ vốn đầu tư và thực hiện các chính sách kinh tế do Chính phủ đề ra, nhằm khai thác tốt nhất nội lực, biến tiềm năng thành hiện thực để phát triển đất nước. Muốn vậy phải tạo ra môi trường và hành lang pháp lý an toàn, để cải thiện tình hình đầu tư của nền kinh tế nói chung.

- Chính phủ có chính sách phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ theo định hướng xuất khẩu được Nhà nước bảo hộ. Theo nhận định của các chuyên gia kinh tế cho rằng: "Sự tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam trong những năm gần đây là sự đóng góp to lớn của 20.000 doanh nghiệp nhỏ và 2,2 triệu doanh nghiệp hộ gia đình" nên sự phát triển doanh nghiệp nhỏ có bền vững hay không có hoàn toàn phụ thuộc vào các chính sách thuế, vốn, về cung cấp thông tin, chế độ tín dụng, đào tạo về quản lý. Như ở Đài Loan và ở Thái Lan các doanh nghiệp vừa và nhỏ đặc biệt là các ngành nghề truyền thống vẫn làm ăn có lãi và không chịu tác động khủng hoảng tiền tệ ở Châu Á.

- Hoàn thiện lại hệ thống thống kê kế toán cho phù hợp với chuẩn mực thống kê kế toán quốc tế để chính phủ nắm được tình hình kinh tế xã hội, để có những giải pháp tình thế kịp thời.

- Cần phải điều chỉnh chính sách kinh tế tài chính cho phù hợp với tình hình phát triển năng động của nền kinh tế quốc gia với sự phát triển toàn cầu hóa nền kinh tế tài chính thế giới. Vì thực tiễn đã diễn ra, khi ta ban hành chính sách thì phù hợp nhưng sau một thời gian thì không còn phù hợp nữa do trình độ phát triển cao hơn.

Trong tiến trình hạn chế tác động của cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ ở Châu Á ảnh hưởng đến nền kinh tế Việt Nam, chúng ta phải nghiên cứu kỹ các nguyên nhân tạo ra cuộc khủng hoảng với tinh thần cầu thị đặt lợi ích quốc gia và dân tộc lên trên hết, để tìm ra giải pháp hữu hiệu nhằm phát huy tốt nội lực đồng thời chú trọng đến ngoại lực để đưa nền kinh tế Việt Nam vượt qua khó khăn và tăng trưởng bền vững ■

Hàng năm, có khoảng nửa triệu người đã đến viếng Viện bảo tàng thực vật của Đại học Harvard để chiêm ngưỡng một khung cảnh lạ kỳ của thế giới – một bộ sưu tập gần 1.000 loài hoa và cây cỏ làm hoàn toàn bằng thủy tinh. Thật ra, có rất nhiều mẫu hoa cỏ được phóng lớn nên số mẫu trưng bày đã lên tới khoảng 3.000.

Những mẫu hoa cỏ thủy tinh này sống động đến nỗi nhiều du khách cứ trở đi trở lại để xem xét và tin chắc rằng đây là hoa thủy tinh.

Bộ sưu tập này mang tên Sưu tập Ware, để tưởng nhớ một bác sĩ giỏi ở địa phương ấy, ông Charles Ware. Bà vợ góa của ông này đã tặng phần lớn khoản gia sản chồng để lại để xây dựng bộ sưu tập này. Nếu không có khoản tiền ấy, hẳn bộ sưu tập này đã không đến được với công chúng, vì người ta phải chờ chúng từ Đức qua. Ở đó, từ 1890 đến 1963, hai người thợ thủy tinh xuất sắc đã dành trọn tài năng và cuộc đời để tạo nên những tác phẩm này.

Đó là hai cha con, Leopold và Rudolf Blaschka, trước đó chỉ chuyên sản xuất mẫu hoa cỏ cho Viện bảo tàng tự nhiên Dresden và họ còn làm những mô hình sinh vật biển để cung cấp cho các học viện ở Đức. Hai cha con đã làm việc ngày đêm, chỉ nghỉ ngày chủ nhật, và ông bố, giờ đã quá 70, vẫn có thể làm việc không cần đeo kính. Ban đầu họ lấy mẫu từ các hoa cỏ trong vườn, rồi tới trong vùng, sau cùng họ thường phải đi nước ngoài để tìm những loài hoa không có ở châu Âu.

Khi bà quả phụ Ware mua bộ sưu tập này và đề nghị tặng cho trường Harvard để có một công trình tưởng nhớ người chồng, Ban giám hiệu đã vô cùng mừng rỡ vì những mẫu vật ba chiều và sống mãi này thật tiện lợi cho sinh viên học tập, và cũng vì bộ sưu tập ấy quá độc đáo.

Tuy làm bằng thủy tinh, nhưng những mẫu hoa cỏ này trông cứ như thật. Người thợ đã làm từng cánh hoa, từng chiếc lá rời, sơn nhiều lần tỉ mỉ để thể hiện đúng màu sắc tinh tế của mỗi sắc hoa. Sự kỹ lưỡng còn quá mức đến độ bạn có thể thấy rõ những đường gân và các lông tơ trên những hoa lá ấy. Sau cùng chúng mới được phủ một lớp vec ni đặc biệt để xóa đi vẻ lấp lánh và trong suốt của thủy tinh. Có những mẫu trình bày luôn các giai đoạn tăng trưởng của một loài, như một giò lan với những hạt mầm ban đầu, những lá mới nhú nhần nheo cho đến nụ hoa mãn khai bung xòe ra với mảnh lưỡi hoa mỏng tang tương như có thể đóng đưa trong gió.

Một nhà thực vật học sau khi nghiên cứu cẩn thận các mẫu hoa đã xác nhận rằng cả ngàn nụ hoa ấy đều chính xác về số lượng cánh hoa và các cộng nhị hoa. Trong một chùm hoa, ngay cả những nụ hoa ở dưới hay khuất phía sau cũng được chế tạo chính xác như những nụ bày ra phía trước.

Nhưng sự quyến rũ là nằm ở vẻ đẹp của chúng.

Những người yêu hoa luôn quên mất trong lòng khi biết, và thấy, hoa phải tàn. Tuy nhiên, trong những mẫu vật thủy tinh mô phỏng thiên nhiên cực kỳ chính xác kia, tuy không có hơi thở của cuộc sống, nhưng cái đẹp của thiên nhiên đã được tái hiện trọn vẹn.

Nhiều khách du lịch sau khi xem bộ sưu tập độc đáo này đã phải đặt câu hỏi “Làm sao người ta làm được những đoá hoa đẹp đến thế?” “Bí quyết của họ rồi sẽ mất đi sao, sau khi họ chết?”

Leopold Blaschka trong đời mình cũng đã bao lần gặp những câu hỏi tương tự, và ông rất tiếc rằng người ta cứ nghĩ ông có một bí quyết hay qui trình nào đó phải giữ kín, và ông luôn khẳng định rằng đây là nghệ thuật, không hề có gì bí mật hay giấu riêng cả.

Cha con ông đã làm nghề thủy tinh rất nhiều năm, hiểu rõ đặc tính của nó từ loại nguyên chất cho tới thủy tinh được pha chế với hoá chất khác.

Kiến thức này không chỉ từ sách vở mà còn từ kinh nghiệm cá nhân và nó đã chín mùi đến độ họ có thể làm ra những thứ thủy tinh mà chỉ riêng họ mới có, và dĩ nhiên họ chủ yếu dùng nó để làm các mẫu hoa. Họ đã làm từng cánh một cho các mẫu hoa, ngồi hàng giờ xoay xoay những mẫu thủy tinh bé xíu trong ngọn lửa cho đến khi hoàn toàn hài lòng. Những người đã quan sát họ làm việc đều nghĩ rằng nếu họ muốn sản xuất

nhANH và nhiều thì hẳn họ phải phát điên rồi.

Viện bảo tàng hoa thủy tinh thế này là thứ có một không hai trên thế giới. Nên không có gì quá đáng khi nói rằng chỉ những người đã được nhìn thấy nơi này mới hưởng thụ được cái đẹp được lưu giữ một cách độc đáo tại đây cho những thế hệ sau chiêm ngưỡng ■

TÁNH KHÔNG
(theo Mabuhay)

NHỮNG HOA CỎ VĨNH VIỄN KHÔNG TÀN

